

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HN&GD-ST

Ngày: 17-5-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Ngọc Mai;

2/ Bà Lê Hoàng Mỹ Dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 417/2021/TLST-HN&GD ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HN&GD ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Thị KA, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Số nhà 14, đường số 14, tổ 3, thôn 1, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Đinh Anh L, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số nhà 137, đường số 3, tổ 6, thôn 6, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị KA và anh L tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không có tổ chức lễ cưới, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SN, huyện Đức Linh; sau khi đi đến hôn nhân thì chị KA và anh L sống chung bên gia đình anh L; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc kéo dài đến 02-03 năm trở lại đây thì anh L đuổi chị A ra khỏi nhà, nguyên nhân là do anh L thường xuyên rượu chè, đánh đập chị KA, thời gian gần đây anh L còn đe dọa chị KA làm tinh thần chị không ổn định, sống trong lo lắng; hiện tại

chị KA và anh L đã sống ly thân, chị KA về nhà mẹ ruột sống; nay chị KA xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị KA ly hôn anh L.

Về con chung: Chị KA và anh L có với nhau 02 con chung tên Đinh Lê Tuấn H, sinh năm 2011 và Đinh Lê Tuấn D, sinh năm 03/5/2015; hiện tại hai con đang ở với anh L, do anh L giành về; chị KA và anh L sẽ tự thỏa thuận việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị Châu Thị KA không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn Đinh Anh L, tuy nhiên anh L không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị KA và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị KA, cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Châu Thị KA ly hôn anh Đinh Anh L.

Về con chung: Đình chỉ giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

Về án phí: Buộc chị KA chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Châu Thị KA khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Đinh Anh L; anh L có nơi cư trú tại thôn 6, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Về yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp về nuôi con; Việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được chấp nhận; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp về nuôi con.

[2.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là anh Đinh Anh L đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn Đinh Anh L.

[3] Về chứng cứ: Bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ và văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào giấy khai sinh của cháu Châu Tuấn H và lời khai của nguyên đơn thì có thể khẳng định chị KA và anh L chung sống như vợ chồng từ năm 2010, đây là hôn nhân thực tế; nhưng đến năm 2018 mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SN theo bản sao Trích lục kết hôn số 53/TLKH-BS ngày 28/8/2018 do Ủy ban nhân dân xã SN cấp. Do đó, kể từ sau ngày 28/8/2018, quan hệ hôn nhân giữa chị KA và anh L được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị KA và anh L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2020, theo chị KA thì cuộc sống hôn nhân hạnh phúc kéo dài đến 02-03 năm trở lại đây thì anh L đuổi chị KA ra khỏi nhà, nguyên nhân là do anh L thường xuyên rượu chè, đánh đập chị KA, thời gian gần đây anh L còn đe dọa chị KA làm tinh thần chị không ổn định, sống trong lo lắng; chị KA cho rằng giữa chị và anh L hiện không còn quan hệ như vợ chồng, hiện tại chị KA và anh L đã sống ly thân, chị KA về nhà mẹ ruột sinh sống, trong thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, qua hòa giải và tại phiên tòa chị KA đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh L; qua nội dung xác minh đối với bà Đinh Thị L1 (mẹ ruột của anh Đinh Anh L) vào ngày 25/3/2022 (Bút lục 34) thì thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa chị KA và anh L là có thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa hôm nay, mặc dù anh L đã biết được yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị KA. Điều đó cho thấy anh L cũng không thiết tha hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng, chăm sóc con cái và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Từ những phân tích trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị KA và anh L đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị KA đối với anh L.

[4.2] Về con chung: Đã được đình chỉ giải quyết theo nhận định tại mục [2.2] nêu trên.

[4.3] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị KA về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và nợ trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Châu Thị KA phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị KA.

1. Về hôn nhân: Chị Châu Thị KA ly hôn anh Đinh Anh L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53 do Ủy ban nhân dân xã SN cấp vào ngày 28/8/2018, cấp cho chị Châu Thị KA và anh Đinh Anh L hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Đình chỉ giải quyết “Tranh chấp về nuôi con” giữa Nguyên đơn Châu Thị KA với bị đơn Đinh Anh L.

3. Ghi nhận ý kiến của chị Châu Thị KA việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Châu Thị KA phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005733 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. **Chị KA** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/5/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã SN;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THUẬN